

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 60/CV/DH ngày 27/12/2022 của Công ty TNHH Quang Minh về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trụ sở làm việc kết hợp dịch vụ thương mại tổng hợp Dũng Hoa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 13/TTr-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Quang Minh, địa chỉ tại Thôn Xuân Lưu, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Trụ sở làm việc kết hợp dịch vụ thương mại tổng hợp Dũng Hoa tại phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư Trụ sở làm việc kết hợp dịch vụ thương mại tổng hợp Dũng Hoa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 04/08/2000; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/10/2015.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2800574381.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật, thương mại dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 13.174,8 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Dự án chia làm 02 giai đoạn xây dựng gồm: Giai đoạn 1: Nhà trụ sở làm việc kết hợp khu kinh doanh và giới thiệu sản phẩm máy móc, thiết bị phụ tùng máy 09 tầng (1.500 m²); nhà xưởng lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa máy 01 tầng (780 m²); nhà nghỉ, bếp, ăn ca 02 tầng (450 m²); nhà để xe 01 tầng (160 m²); nhà kho 01 tầng (810 m²) và các công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ khác. Giai đoạn 2: Nhà xưởng lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa máy 01 tầng (780 m²) và các công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ còn lại.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Quang Minh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Quang Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 25 tháng 01 năm 2023 đến ngày 25 tháng 01 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- C.Ty TNHH Quang Minh;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên, khách đến dự án; nước vệ sinh sàn nhà lưu lượng phát sinh là 14 m³/ngày đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải từ rửa thiết bị, máy móc, phương tiện trước khi bảo dưỡng, sửa chữa là 05 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Nhà Lê đoạn chảy qua phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Cống thu gom nước thải chung của khu vực nằm phía Tây Nam của dự án tại phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X=2190512; Y=579304.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 19 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

Nước thải sau xử lý từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án được bơm cưỡng bức ra cống thu gom nước thải chung của khu vực nằm phía Tây Nam của dự án tại phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa sau đó chảy ra sông Nhà Lê. Dòng thải từ cống thoát nước chung xả ra sông Nhà Lê theo phương thức xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 3 bể tự hoại 3 ngăn mỗi bể có thể tích 20 m³ (kích thước 4x2,5x2m); nước thải nhà ăn xử lý qua bể tách dầu mỡ; nước thải rửa tay chân, vệ sinh sàn nhà được thu gom bằng đường ống D110 qua hố ga về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải rửa thiết bị, máy móc, phương tiện được thu gom vào bể tách dầu mỡ có thể tích 04 m³ (ngăn chứa chứa dầu kích thước 1,0 x 2,0 x 1,0 (m), ngăn lắng 1 kích thước 1,0 x 1,0 x 1,0 (m) và ngăn lắng 2 kích thước 1,0 x 1,0 x 1,0 (m)), sau đó nước thải được dẫn vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Ngăn lắng + Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể lắng kết hợp khử trùng → Xả ra hệ

thống thoát nước chung của khu vực → Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng sông Nhà Lê.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Xây dựng bể chứa nước sự cố có thể tích 20 m³ để lưu giữ nước thải trong trường hợp có sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.3.2. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.3.3. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng (từ tháng 03/2024).

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (tại bể điều hòa) và mẫu nước thải sau hệ thống xử lý tập trung.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (không thường xuyên) lưu lượng 462,84 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Tại ống khói của máy phát điện tại Dự án thuộc địa phận phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°) như sau: X=2190518; Y=579328..

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 462,84 m³/h.

2.3. Phương thức xả thải:

Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi vận hành máy phát điện.

2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 0,9 và Kv = 0,6), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2
2	CO	mg/Nm ³	540	
3	NO _x	mg/Nm ³	459	

4	SO ₂	mg/Nm ³	270	Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
---	-----------------	--------------------	-----	------------------------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua ống khói cao 4,0 m kèm theo máy phát điện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ máy phát điện dự phòng được xử lý bằng hệ thống đầu tư đồng bộ với thiết bị máy trước khi thải ra môi trường

1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ nguồn số 01: X=2190507; Y=579324
- Tọa độ nguồn số 02: X=2190518; Y=579328.
- Tọa độ nguồn số 03: X=2192540; Y=578304

(Theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà chung cư nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	10	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	10	16 01 06
3	Ấc quy chì thải	80	19 06 01
4	Chất thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu mỡ)	50	18 02 01
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải có chứa hóa chất, dung môi hữu cơ	20	18 01 02
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	8	18 01 01
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa thải chứa hóa chất, dung môi hữu cơ	10	18 01 03
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	318	17 02 04
9	Chất thải gây nhiễm bao gồm cả chất thải sắc nhọn	10	13 01 01
Tổng (kg)		516	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	28.000
2	Chất thải rắn thông thường	3.120
Tổng khối lượng		31.120

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	33,7

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 15,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được lát nền bằng gạch ceramic chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,0m và ốp bằng gạch ceramic; mái bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có lắp đặt hệ thống thiết bị chữa cháy, thiết bị thông gió.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý ít nhất 6 tháng/1 lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa rác loại 100 lít: 3 thùng loại có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu giữ:

- Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 15 m² nằm trong nhà kho hiện trạng.

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường gạch bao kín, mái che bằng tôn, có hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét D16 dài 0,8m, dây dẫn sắt thép D10, hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6 dài 2,5m, dây tiếp địa thép dẹt 40x4mm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị 03 thùng rác nhựa có bánh xe đẩy tay loại 240 lít.

2.3.2. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung phía Tây Nam của dự án) có diện tích 15 m², có mái che, đường thu gom nước rỉ rác.

- Hàng ngày chất thải rắn sinh hoạt sẽ được công nhân vệ sinh thu gom 2 lần về điểm tập kết.

2.3.3. Tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Vệ sinh và phun khử mùi với tần suất 02 lần/ngày

2.3. Chuyển giao chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý; không để rác thải qua đêm tại dự án

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải,

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP
TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN**

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Tại bãi đổ thải, đổ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.

2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Xây dựng bể lắng có $V=9\text{ m}^3$ kết cấu bằng BTCT chống thấm để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực ở phía Tây Nam của dự án (điểm xả có Tọa độ $X=2192499$; $Y=578238$).

- Đối với nước thải vệ sinh được xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (rộng 255 cm, dài 176 cm, cao 120 cm, gồm 3 ngăn). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 lần/ngày) đem đi xử lý.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng, nước rửa xe:

Thu gom về 01 bể lắng có dung tích khoảng 09 m^3 (có lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm, kích thước mỗi bể là $B \times L \times H = 3,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,5\text{m}$) tại khu vực lán trại để xử lý. Nước thải sau khi được tái sử dụng một

phần để tưới nước giảm bụi tại khu vực công trường, phần còn lại thoát ra môi trường; dầu nổi được lưu giữ trong thùng chứa dầu dung tích 0,5 m³ và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

4. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển với chiều dài 200m tính từ công khu vực dự án về 2 phía. Sử dụng máy bơm và ống dẫn nước mềm dẫn nước từ hố lắng để tiến hành phun nước. Tần suất phun nước 03 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại các tuyến đường qua khu dân cư lân cận, tổng chiều dài 3,0 km.

- Bố trí trạm rửa xe để phun nước giảm bụi, tránh bụi đất đá cuốn theo bánh xe làm ảnh hưởng đến tuyến đường bê tông dẫn vào dự án.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,5 m, chiều dài 410 m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

5. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

5.1. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 02 thùng dung tích 100 lít/thùng đặt tại mỗi khu lán trại sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

5.2. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá... và đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng sẽ được sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong khu vực dự án.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng...thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh, quét mặt bằng sân đường nội bộ khu vực thi công dự án... được thu gom và đơn vị môi trường có chức năng định kỳ đến nạo vét thông hút và vận chuyển đi xử lý tần suất 1 tuần/lần.

6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 02 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị 01 thùng phuy (dung tích 200 lít) dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ, đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa.

Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K =1,2; khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường./.